TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 93 /2019/QĐST-DS	*Trà Ôn, ngày 15 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 07/8/2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 142/2019/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Bích L, sinh năm 1958

Địa chỉ: ấp S, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* 1. Bà Dương Hồng T1, sinh năm 1957.

2. Ông Phạm Minh C, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: ấp S, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bị đơn bà Dương Hồng T1 và ông Phạm Minh C có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích L số tiền hụi vốn là 32.416.000đ *(Ba mươi hai triệu bốn trăm mười sáu nghìn đồng)*.

Kể từ ngày bà Huỳnh Thị Bích L có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Dương Hồng T1 và ông Phạm Minh C chưa thực hiện xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích L có nghĩa vụ nộp số tiền 405.200đ (*Bốn trăm lẻ năm nghìn hai trăm đồng)* nhưng bà L đơn xin miễn án phí do bà thuộc

diện người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nên được miền toàn bộ.

Bị đơn ông Phạm Minh C và bà Dương Hồng T1 có nghĩa vụ nộp số tiền 405.200đ (*Bốn trăm lẻ năm nghìn hai trăm đồng)*. Bà T1, ông C đơn xin miễn án phí do ông, bà thuộc diện người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nên bà T1 được miễn phần bà T1 có nghĩa vụ nộp nhưng ông C không thuộc đối tượng được miễn nên ông C có nghĩa vụ nộp số tiền 202.700đ (*Hai trăm lẻ hai nghìn bảy trăm đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga